

Bản án số: 29/2021/HS-ST

Ngày: 28-5-2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Long Giang;

Ông Nguyễn Ngọc Giàu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Diễm Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Thái Hoàng Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2021, đối với bị cáo:

Trần Phương K, sinh năm 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 188/2/39, khu phố 5, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: tổ 1, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Định P và bà Lương Thị Thu H; có vợ là Lê Thị Ngọc T và 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Châu Kim C, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ 4, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp 2, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Chị Hồ Thị Thu H, sinh năm 1994; nơi cư trú: 72, Ô3, ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

4. Anh Lường Mạnh H, sinh năm 1994; nơi cư trú: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

5. Anh Nguyễn Hoài M, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

6. Anh Trần Văn T, sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp T, xã T1, thị xã V, tỉnh Hậu Giang, vắng mặt.

7. Anh Cao Thành S, sinh năm 1989; nơi cư trú: ấp 3, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

8. Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm 1989; nơi cư trú: 188/2/39, khu phố 5, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Tổ 1, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trần Phương K là công nhân của Công ty K có trụ sở tại huyện B, tỉnh Bình Dương.

Vào khoảng tháng 9 năm 2019, một số công nhân của Công ty K có nhu cầu mượn tiền nên K cho vay lấy tiền lãi. Mức lãi suất theo ngày từ 0,3% đến 1%; theo tháng từ 10% đến 20%. Nếu cần vay tiền có thể gọi điện thoại cho K hoặc gặp trực tiếp K. K cho nhiều người vay và lấy tiền lãi, cụ thể như sau:

- K cho anh Châu Kim C vay 03 lần:

+ Lần 01: khoảng tháng 11 năm 2019, K cho anh C vay số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 12 năm 2019. Mỗi tháng, anh C phải trả tiền lãi cho K 1.000.000 đồng, tương đương 10%/tháng. K cho anh C vay lãi suất gấp 6 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 5 năm 2020, anh C đã trả lãi cho K 6.000.000 đồng. Khoản vay này, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng tương ứng số tiền 1.000.000 đồng. K thu lợi bất chính 5.000.000 đồng.

+ Lần 2: khoảng tháng 01 năm 2020, K cho anh C vay số tiền 5.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 02 năm 2020. Mỗi tháng, anh C phải trả tiền lãi cho K 700.000 đồng, tương đương với 14%/tháng. K cho anh C vay lãi suất gấp 8,4 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Từ tháng 02 năm 2020 đến tháng 5 năm 2020, anh C trả lãi cho K 2.800.000 đồng. Khoản vay này, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.66%/tháng tương ứng số tiền 333.333 đồng. K thu lợi bất chính 2.466.667 đồng.

+ Lần 3: khoảng tháng 3 năm 2020, K cho anh C vay số tiền 5.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 4 năm 2020. Mỗi tháng, anh C phải trả tiền lãi cho K 750.000 đồng, tương đương với 15%/tháng. K cho anh C vay lãi suất gấp 9 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Từ tháng 4

năm 2020 đến tháng 5 năm 2020, anh C trả lãi cho K 1.500.000 đồng. Khoản vay này, tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.66%/tháng tương ứng số tiền 166.666 đồng. K thu lợi bất chính 1.333.334 đồng.

Tổng số tiền K cho anh C vay là 20.000.000 đồng, anh đã trả tiền nợ gốc cho K được 5.000.000 đồng, còn nợ lại K 15.000.000 đồng.

- K cho anh Hoàng Văn L vay tiền 01 lần: khoảng tháng 11 năm 2019, K cho anh L vay 15.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 12 năm 2019. Mỗi tháng, anh L phải trả tiền lãi cho K là 2.250.000 đồng, tương đương với 15%/tháng. K cho anh L vay lãi suất gấp 9 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 02 năm 2020, anh L trả lãi cho K 6.750.000 đồng. Tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.66%/tháng tương ứng số tiền 750.000 đồng. K thu lợi bất chính 6.000.000 đồng. Anh L đã trả nợ gốc cho K 8.000.000 đồng, còn nợ K 7.000.000 đồng.

- K cho anh Nguyễn Hoài M vay 02 lần:

+ Lần 01: khoảng tháng 09 năm 2019, K cho anh M vay số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 10 năm 2019. Mỗi tháng, anh M phải trả tiền lãi cho K 1.500.000 đồng, tương đương 15%/tháng. K cho anh M vay lãi suất gấp 9 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Từ tháng 10 năm 2019 đến tháng 5 năm 2020, anh M đã trả lãi cho K 12.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1,66%/tháng tương ứng số tiền 1.333.333 đồng. K thu lợi bất chính 10.666.667 đồng.

+ Lần 2: khoảng tháng 01 năm 2020, K cho anh M vay số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 02 năm 2020. Mỗi tháng, anh M phải trả tiền lãi cho K 1.500.000 đồng, tương đương với 15%/tháng. K cho anh M vay lãi suất gấp 9 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Từ tháng 02 năm 2020 đến tháng 5 năm 2020, anh M trả lãi cho K 6.000.000 đồng. Tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.66%/tháng tương ứng số tiền 666.666 đồng. K thu lợi bất chính 5.333.334 đồng.

Tổng số tiền K cho anh M vay là 20.000.000 đồng, anh M đã trả tiền nợ gốc cho K được 6.000.000 đồng, còn nợ lại 14.000.000 đồng.

- K cho anh Trần Văn T vay tiền 01 lần: khoảng tháng 02 năm 2020, K cho anh T vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi anh T trả cho K như sau:

+ Tháng 03 năm 2020, anh T trả tiền lãi cho K 1.000.000 đồng, tương đương với 20%/tháng. K cho anh T vay lãi suất gấp 12 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.66%/tháng tương ứng số tiền 83.333 đồng. K thu lợi bất chính 916.667 đồng.

+ Tháng 4, tháng 5 năm 2020, anh T trả tiền lãi cho K 1.000.000 đồng, tương đương với 10%/tháng. K cho anh T vay lãi suất gấp 6 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.66%/tháng tương ứng số tiền 166.666 đồng. K thu lợi bất chính 833.334 đồng.

Anh T chưa trả nợ gốc cho K.

- K cho chị Hồ Thị Thu H vay tiền vào tháng 01 năm 2020, số tiền 10.000.000 đồng, tiền lãi chị H trả cho K như sau:

+ Tháng 02 năm 2020, chị H trả tiền lãi cho K 1.500.000 đồng, tương đương với 15%/tháng. K cho chị H vay lãi suất gấp 09 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Tiền lãi theo quy định của pháp luật là 1.66%/tháng tương ứng số tiền 166.666 đồng. K thu lợi bất chính 1.333.334 đồng.

+ Tháng 3 năm 2020, chị H vay 10 ngày, trả tiền lãi cho K 300.000 đồng, tương đương với 0,3%/ngày. K cho chị H vay lãi suất gấp 5,4 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tiền lãi theo quy định của pháp luật là 0,055%/ngày tương ứng số tiền 55.555 đồng. K thu lợi bất chính 244.445 đồng.

Chị H đã trả tiền gốc cho K 10.000.000 đồng.

- K cho anh Lương Mạnh H vay tiền 01 lần: khoảng tháng 10 năm 2019, K cho anh H vay 10.000.000 đồng. H vay 02 ngày, tiền lãi trả cho K 200.000 đồng, tương đương với 1%/ngày. K cho anh H vay lãi suất gấp 18 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Tiền lãi theo quy định của pháp luật là 0,055%/ngày tương ứng số tiền 11.111 đồng. K thu lợi bất chính 188.889 đồng. Anh H đã trả tiền nợ gốc cho K 10.000.000 đồng.

- K cho anh Cao Thành S vay tiền 01 lần: khoảng tháng 4 năm 2020, K cho anh S vay 50.000.000 đồng. Anh S vay 06 ngày, tiền lãi trả cho K 1.000.000 đồng, tương đương với 0,33%/ngày. K cho anh S vay lãi suất gấp 6 lần của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015. Tiền lãi theo quy định của pháp luật là 0,055%/ngày tương ứng số tiền 166.666 đồng. K thu lợi bất chính 833.334 đồng. Anh S đã trả tiền nợ gốc cho K 50.000.000 đồng.

Anh C còn nợ tiền vay của K 15.000.000 đồng.

Anh L còn nợ tiền vay của K 7.000.000 đồng.

Anh M còn nợ tiền vay của K 14.000.000 đồng.

Tổng số tiền K cho vay là 130.000.000 đồng. K thu hồi nợ gốc được 94.000.000 đồng.

Tổng tiền lãi K đã thu là 40.050.000 đồng. Tiền lãi theo quy định của pháp luật là 4.899.995 đồng. K thu lợi bất chính là 35.150.005 đồng.

Anh Châu Kim C yêu cầu K trả lại số tiền lãi đã nhận vượt quá quy định là 8.800.000 đồng. K đồng ý trả lại số tiền trên.

Anh Hoàng Văn L yêu cầu K trả lại số tiền lãi đã nhận vượt quá quy định là 6.000.000 đồng. K đồng ý trả lại số tiền trên.

Anh Nguyễn Hoài M yêu cầu K trả lại số tiền lãi đã nhận vượt quá quy định là 16.000.000 đồng. K đồng ý trả lại số tiền trên.

Anh Trần Văn T yêu cầu K trả lại số tiền lãi đã nhận vượt quá quy định là 1.750.000 đồng. K đồng ý trả lại số tiền trên.

Đối với anh S, chị H, anh H đã trả đủ số tiền gốc và không yêu cầu K trả lại số tiền lãi đã nhận vượt quá quy định.

Về vật chứng: 01 (một) điện thoại di động OPPO màu đen số Imei 1: 869383035368059, Imei 2: 869383035368042 của K làm phương tiện liên lạc để cho vay, thu tiền lãi.

Quá trình điều tra, K khai nhận toàn hành vi phạm tội của mình phù hợp với chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Bản Cáo trạng số 23/CT-VKSBB ngày 06 tháng 4 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Trần Phương K về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Trần Phương K đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng. Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 201, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo K từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Buộc bị cáo Trần Phương K nộp lại số tiền 94.000.000 đồng là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội và 4.899.995 đồng là tiền do phạm tội mà có.

Buộc bị cáo Trần Phương K trả lại cho anh Châu Kim C số tiền 8.800.000 đồng.

Buộc bị cáo Trần Phương K trả cho anh Hoàng Văn L số tiền 6.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Trần Phương K trả cho anh Nguyễn Hoài M số tiền 16.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Trần Phương K trả cho anh Trần Văn T số tiền 1.750.000 đồng.

Buộc anh Châu Kim C nộp lại số tiền 15.000.000 đồng.

Buộc anh Hoàng Văn L nộp lại số tiền 7.000.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Hoài M nộp lại số tiền 14.000.000 đồng.

Về vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động OPPO màu đen số Imei 1: 869383035368059, Imei 2: 869383035368042 là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Bị cáo Trần Phương K thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Châu Kim C, anh Nguyễn Hoài M đồng ý nộp lại số tiền còn lại đã vay của bị cáo K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Hoài M yêu cầu bị cáo K trả lại số tiền lãi đã nhận vượt quá mức quy định; anh Cao Thành S không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã vượt quá mức quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Hồ Thị Thu H, anh Lương Mạnh H vắng mặt, quá trình điều tra, truy tố không yêu cầu bị cáo K trả lại số tiền lãi đã nhận vượt quá mức quy định.

Bị cáo Trần Phương K nói lời sau cùng: bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai trái, bị cáo xin khắc phục hậu quả.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Từ tháng 9 năm 2019 đến tháng 5 năm 2020 tại địa bàn huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trần Phương K có hành vi cho anh Châu Kim C, anh Hoàng Văn L, anh Lương Mạnh H, anh Trần Văn T, anh Cao Thành S, chị Hồ Thị Thu H và anh Nguyễn Hoài M vay tiền với mức lãi suất theo ngày từ 0,3% đến 1%, mức lãi suất theo tháng từ 10% đến 20%, gấp từ 5,4 lần đến 18 lần mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/năm), số tiền bị cáo K thu lợi bất chính là 35.150.005 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của bị cáo K đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tại phiên tòa: bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[5.1] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tài chính của Nhà nước, làm ảnh hưởng xấu, gây mất trật tự trị an ở địa phương.

[5.2] Về nhân thân: tại thời điểm phạm tội, bị cáo không bị kết án, không bị xử lý hành chính, xét về nhân thân của bị cáo là tốt.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[6] Xét, tình hình cho vay lãi nặng tại địa phương có dấu hiệu gia tăng, là nguyên nhân làm gia tăng tội phạm khác như: cố ý gây thương thương tích, cướp tài sản hoặc cưỡng đoạt tài sản. Việc xử lý bằng biện pháp hình sự đối với tội phạm này cần thiết. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo Trần Phương K nộp lại số tiền 94.000.000 đồng là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội và 4.899.995 đồng là tiền do phạm tội mà có để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc anh Châu Kim C nộp lại số tiền 15.000.000 đồng, buộc anh Hoàng Văn L nộp lại số tiền 7.000.000 đồng, buộc anh Nguyễn Hoài M nộp lại số tiền 14.000.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Phương K trả cho anh Châu Kim C số tiền 8.800.000 đồng; buộc bị cáo Trần Phương K trả cho anh Hoàng Văn L số tiền 6.000.000 đồng; buộc bị cáo Trần Phương K trả cho anh Nguyễn Hoài M số tiền 16.000.000 đồng; buộc bị cáo Trần Phương K trả cho anh Trần Văn T số tiền 1.750.000 đồng theo quy định tại các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[9] Về vật chứng: 01 (một) điện thoại di động OPPO màu đen số Imei 1: 869383035368059, Imei 2: 869383035368042 là công cụ, phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[10] Về án phí: bị cáo Trần Phương K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 46, 47, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 106, 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 6, 23, 26 Mục 1 Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố bị cáo Trần Phương K phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

#### **1. Về hình phạt:**

Xử phạt bị cáo Trần Phương K 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

#### **2. Về biện pháp tư pháp:**

Buộc bị cáo Trần Phương K nộp lại số tiền 98.899.995 (chín mươi tám triệu tám trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi lăm) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Buộc anh Châu Kim C nộp lại số tiền 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Buộc anh Hoàng Văn L nộp lại số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.



Buộc anh Nguyễn Hoài M nộp lại số tiền 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng để nộp vào ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo Trần Phương K trả lại cho anh Châu Kim C số tiền 8.800.000 (tám triệu tám trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Trần Phương K trả cho anh Hoàng Văn L số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Buộc bị cáo Trần Phương K trả cho anh Nguyễn Hoài M số tiền 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng.

Buộc bị cáo Trần Phương K trả cho anh Trần Văn T số tiền 1.750.000 (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: tịch thu tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động OPPO màu đen số Imei 1: 869383035368059, Imei 2: 869383035368042 (theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Phương K phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.627.500 (một triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- PV27 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ánh Tuyết**